

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2021/ HNGĐ-ST

Ngày 08 - 7 - 2021

V/v ly hôn giữa chị L và anh A

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chuyết

Bà Đoàn Thị Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngát – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Quỳnh Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2021/TLST- DS ngày 04 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 06 năm 2021, về việc ly hôn, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm: 1999; Nơi ĐKKHKT: Thôn 13, T, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Địa chỉ: Xóm 10, N, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Teo Tuấn A, sinh năm: 1993; Nơi ĐKKHKT: Thôn 13, T, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Hiện đang chấp hành án tại: Đội 23, phân trại số 4, trại giam Thanh Phong; Địa chỉ: Thị trấn Nông Công, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa: Chị L và anh A vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2021, quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Trần Thị L trình bày:

Chị kết hôn với anh Teo Tuấn A vào ngày 21 tháng 9 năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn; do anh A nghiện ma túy, không có trách nhiệm gì với gia đình, đến tháng 03 năm 2020 anh A vi phạm pháp luật bị kết án 27 tháng tù, hiện đang chấp hành án tại Đội 23, phân trại số 4, trại giam Thanh Phong, địa chỉ: Xã Minh Thọ,

huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nữa nên làm đơn xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản; khoản nợ: Vợ chồng không có tài sản, khoản nợ nào nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị xin vắng mặt, bị đơn là anh Teo Tuấn A trình bày: Anh xác nhận thời gian kết hôn cũng như quá trình chung sống đúng như chị L đã trình bày, do vi phạm pháp luật nên hiện nay anh đang chấp hành án tại Đội 23, phân trại số 4, trại giam Thanh Phong, địa chỉ: Thị trấn Nông Cống, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Chị L xin ly hôn anh cũng nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản; khoản nợ: Vợ chồng không có tài sản, khoản nợ nào, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Đối với nguyên đơn; Từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Bị đơn: Việc anh Teo Tuấn A vắng mặt tại các phiên hòa giải do điều kiện đang chấp hành hình phạt và có đề nghị vắng mặt tại phiên tòa và Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Teo Tuấn A là đúng quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS.

- Về Nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Đề nghị HĐXX; chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị L, xử ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Teo Tuấn A; Về con chung: Vợ chồng không có con chung; Về tài sản, công nợ: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét. Áp dụng Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Tòa án tuyên án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Teo Tuấn A trước khi chấp hành án phạt tù cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Nam Định nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Căn cứ vào khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được.

Anh Teo Tuấn A và Trần Thị L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L kết hôn với anh Teo Tuấn A vào ngày 21 tháng 9 năm 2018 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì anh Teo Tuấn A vi phạm pháp luật và hiện đang chấp

hành án tại Đội 23, phân trại số 4, trại giam Thanh Phong, thị trấn Nông Cống, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa (thuộc Bộ Công an). Nay chị L xin ly hôn, anh Teo Tuấn A có lời khai nhất trí ly hôn.

Xét thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị L và anh Teo Tuấn A đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng đều xác định không có con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng đều có lời khai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

Án phí: Chị Trần Thị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Teo Tuấn A.

2. Án phí: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng, đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Trần Thị L đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0002399 ngày 04/05/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

3. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị L và anh Teo Tuấn A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định;
- Trại giam Thanh Phong, thị trấn Nông Cống, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Thu